

BẢNG GIÁ SHIHLIN 2013

SHIHLIN - TAIWAN

Công Nghệ & Linh kiện MITSUBISHI Nhật Bản



BIỂN TÀN SHIHLIN - TAIWAN

TT	MÃ HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Số pha (Ø)	Điện áp (V)	Công suất (KW)	Công suất (HP)	

Series SS2 ứng dụng cho tải:



Băng tải, khuấy, thang nâng, CNC, khuấy, phay, tiện, bào, bao bì, đóng gói, điều chỉnh tốc độ

1	SS2021-0.4K	1 Ø	200 - 240	0.4	0.5	2,372,000
2	SS2021-0.75K			0.75	1	2,502,000
3	SS2021-1.5K			1.5	2	3,069,000
4	SS2021-2.2K			2.2	3	4,180,000
5	SS2043-0.4K	3 Ø	380 - 480	0.4	0.5	3,152,000
6	SS2043-0.75K			0.75	1	3,215,000
7	SS2043-1.5K			1.5	2	3,590,000
8	SS2043-2.2K			2.2	3	3,805,000
9	SS2043-3.7K			3.7	5	4,851,000
10	SS2043-5.5K			5.5	7.5	6,800,000

Series SF (SF-G) Ứng dụng:



Cho tải tính năng mạnh: Thang nâng, cầu trục, CNC, bơm, quạt, băng tải, máy ép thủy lực, khí nén, ép nhựa, ...

1	SF040-7.5KA/5.5KA	3 Ø	380 - 480	7.5/5.5	10	9,222,000
2	SF040-11KA			11	15	10,588,000
3	SF040-15KA			15	20	12,795,000
4	SF040-18.5KA			18.5	25	15,825,000
5	SF040-22KA			22	30	21,550,000
6	SF040-30KA			30	40	25,056,000
7	SF040-37KA			37	50	29,878,000
8	SF040-45KA			45	60	35,068,000
9	SF040-55KA			55	75	41,152,000
10	SF040-75KA			75	100	51,636,000
11	SF040-90KA			90	120	72,495,000
12	SF040-110KA			110	150	79,558,000
13	SF040-132KA			132	180	101,736,000
14	SF040-160KA			160	200	107,702,000

Shihlin Electric
www.seec.com.tw

Head Office:
16 F, No. 88, Sec. 6, ChungShan N. Rd., Taipei, Taiwan, 111
Tel: +886-2-2834-2662 ★ Fax: +886-2-2836-6187

Báo giá trên chưa bao gồm VAT 10%

www.haidangelectric.com

BIỂN TẦN SHIHLIN - TAIWAN

TT	MÃ HÀNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Số pha (Ø)	Điện áp (V)	Công suất (KW)	Công suất (HP)	

Series SE2 ứng dụng cho tải: ➔ *Tính năng mạnh như thang nâng, CNC, Bơm Quạt,...*

1	SE2021-0.4KDL	1 Ø	200 - 240	0.4	0.5	3,448,000
2	SE2021-0.75KDL			0.75	1	3,705,000
3	SE2021-1.5KDL			1.5	2	4,055,000
4	SE2021-2.2KDL			2.2	3	5,106,000
5	SE2043-0.4KDL	3 Ø	380 - 480	0.4	0.5	4,086,000
6	SE2043-0.75KDL			0.75	1	4,118,000
7	SE2043-1.5KDL			1.5	2	4,596,000
8	SE2043-2.2KDL			2.2	3	4,885,000
9	SE2043-3.7KDL			3.7	5	6,288,000
10	SE2043-5.5KDL			5.5	7.5	9,736,000
11	SE2043-7.5KDL			7.5	10	9,831,000
12	SE2043-11KDL			11	15	15,098,000

Series SH Ứng dụng: ➔ *Cho tải Momen, tải nặng, điều khiển vị trí*

1	SH040-5.5KBC	3 Ø	380 - 480	5.5	7.5	10,374,000
2	SH040-7.5KBC			7.5	10	12,608,000
3	SH040-11KBC			11	15	15,738,000
4	SH040-15KBC			15	20	19,216,000
5	SH040-18.5KBC			18.5	25	25,408,000
6	SH040-22KBC			22	30	28,217,000

Phụ kiện biến tần: SS2, SF, SE2, SH

1	Card PG01 (Dùng encoder) điều khiển vòng kín	Liên hệ
2	Card PM01 (đầu vào 0-1A) dùng cho máy ép, nén ...	
3	Card WS01 (đầu ra Relay) điều khiển đa bơm	
4	Màn hình SHPU01	
5	Điện trở hãm (Brake Resistor)	

Shihlin Electric
www.seec.com.tw

Head Office:
16 F, No. 88, Sec. 6, ChungShan N. Rd., Taipei, Taiwan, 111
Tel: +886-2-2834-2662 ★Fax: +886-2-2836-6187

Báo giá trên chưa bao gồm VAT 10%

www.haidangelectric.com